

Kh¹ a h c :	L p h c : 36CXD3	N¹ m h c : 2012-2013	ñ VHT : 2 (30,0,0,0,0,0)
H ñT :	H c ph n : 122067101709 - V t l Ī L i c ng 2	H c km : HK02	

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THĩ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
1	3671030591	36CXD3	Ph m VÑĩ	Bình	23/02/1994				6.0			6.0	1.8	2.8	2.0	3.8	
2	3671032036	36CXD3	L² VÑĩ	Cao	04/04/1993				9.0			9.0	2.7	2.3	1.6	4.3	
3	3671030593	36CXD3	Tr ng Minh	C ng	24/01/1993				7.0			7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	
4	3671030654	36CXD3	H Thanh	Duy	09/03/1994				7.0			7.0	2.1	2.8	2.0	4.1	
5	3671030592	36CXD3	Huunh Thanh	Duy	28/11/1993				6.0			6.0	1.8	2.3	1.6	3.4	
6	3671030530	36CXD3	L ng Xuª n	ĐHĐg	03/08/1993				5.0			5.0	1.5	4.8	3.4	4.9	
7	3671030672	36CXD3	Nguy n Minh	ĐHĐg	20/08/1990				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
8	3671030533	36CXD3	Nguy n H u	D ng	25/11/1993				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
9	3671030569	36CXD3	Chu Minh	ñ »ng	19/05/1994				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
10	3671030544	36CXD3	H VÑĩ	ñ c	05/01/1994				7.0			7.0	2.1	4.8	3.4	5.5	
11	3671030605	36CXD3	Ng» S	Hà	27/12/1994				7.0			7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
12	3671030525	36CXD3	Nguy n Ng c	Hoà	28/01/1992				5.0			5.0	1.5	2.5	1.8	3.3	
13	3671030717	36CXD3	Lê Quang	Hoàng	25/10/1993				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
14	3671032049	36CXD3	Nguy n VÑĩ	Hoàng	18/05/1994				7.0			7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
15	3671030681	36CXD3	Ng» VÑĩ	Hòa	07/02/1994				5.0			5.0	1.5	5.3	3.7	5.2	
16	3671030706	36CXD3	Bùi Lê	Hùng	30/03/1994				7.0			7.0	2.1	2.5	1.8	3.9	
17	3671030529	36CXD3	Nguy n Tu n	Ki t	22/09/1994				6.0			6.0	1.8	2.3	1.6	3.4	
18	3671030685	36CXD3	Nguy n Ho c	ñ nh Kha	10/06/1994				5.0			5.0	1.5	2.3	1.6	3.1	
19	3671030700	36CXD3	Phan Nh t ñ Ñĩg	Khoa	12/05/1994				6.0			6.0	1.8	2.3	1.6	3.4	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD3 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067101709 - V t l ấ L i c ng 2 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671030640	36CXD3	B ch Nh	Kh ng	18/12/1992				6.0			6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
21	3671030576	36CXD3	Nguy n	L ấ m	02/05/1994				6.0			6.0	1.8	2.3	1.6	3.4	
22	3671030553	36CXD3	Nguy n H u	Linh	10/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
23	3671030543	36CXD3	L 2 Nh t	Long	18/10/1994				7.0			7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	N HP
24	3671030739	36CXD3	Nguy n Th ấ nh	L c	05/02/1994				7.0			7.0	2.1	3.8	2.7	4.8	N HP
25	3671030664	36CXD3	ấ o ấ Th ấ nh	L i	22/05/1994				8.0			8.0	2.4	2.3	1.6	4.0	
26	3671031944	36CXD3	ấ o ấ T t	M nh	25/12/1993				6.0			6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	
27	3671030546	36CXD3	Nguy n Th ấ nh	M n	26/11/1993				5.0			5.0	1.5	1.8	1.3	2.8	
28	3671030600	36CXD3	L ấ V ấ nh	Nguyên	20/10/1993				6.0			6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
29	3671030624	36CXD3	L ấ Công	Nhi u	20/07/1992				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
30	3671030563	36CXD3	Nguy n B ấ	Nhu n	23/03/1994				5.0			5.0	1.5	2.3	1.6	3.1	
31	3671030713	36CXD3	Tr n Ph m Minh	Pha	08/12/1994				6.0			6.0	1.8	3.3	2.3	4.1	
32	3671030662	36CXD3	V ấ V ấ nh	Quang	01/01/1993				8.0			8.0	2.4	0.0	0.0	2.4	
33	3671030688	36CXD3	Nguy n V ấ nh	Quy t	03/12/1994				7.0			7.0	2.1	4.8	3.4	5.5	
34	3671030620	36CXD3	ấ inh H u	T ấ i	29/06/1994				7.0			7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	
35	3671030541	36CXD3	L ấ Công	T ấ i	24/11/1993				6.0			6.0	1.8	3.3	2.3	4.1	
36	3671030551	36CXD3	Nguy n V ấ nh	T ấ i	18/09/1994				6.0			6.0	1.8	3.3	2.3	4.1	
37	3671030693	36CXD3	Nguy n Ng c Duy	T ấ m	28/12/1991				5.0			5.0	1.5	4.8	3.4	4.9	
38	3671030537	36CXD3	Nguy n Ho ấ ng	T ấ n	09/03/1994				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD3 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067101709 - V t l ấ L i c ng 2 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671030677	36CXD3	Nguy n V ấ To ấ n	06/02/1994				6.0			6.0	1.8	2.8	2.0	3.8	
40	3671030638	36CXD3	Nguy n V ấ Tu n	13/12/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
41	3671030596	36CXD3	Nguy n Th ấ nh	27/11/1994				6.0			6.0	1.8	4.8	3.4	5.2	
42	3671030538	36CXD3	Nguy n M ính	19/10/1993				5.0			5.0	1.5	2.8	2.0	3.5	
43	3671030722	36CXD3	Nguy n Xu ấ n	03/07/1994				7.0			7.0	2.1	1.5	1.1	3.2	
44	3671030540	36CXD3	ấ ng	15/08/1993				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
45	3671030675	36CXD3	Nguy n H u	28/07/1994				7.0			7.0	2.1	3.8	2.7	4.8	
46	3671030626	36CXD3	Tr n Hu ấ nh	25/11/1994				6.0			6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	
47	3671030636	36CXD3	D ng Ng c	14/01/1993				5.0			5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	
48	3671030618	36CXD3	Nguy n ấ c	29/01/1994				6.0			6.0	1.8	1.5	1.1	2.9	
49	3671030648	36CXD3	Nguy n Xu ấ n	20/06/1994				5.0			5.0	1.5	4.8	3.4	4.9	
50	3671031921	36CXD3	Hu ấ nh V ấ	20/06/1993				5.0			5.0	1.5	5.3	3.7	5.2	N HP
51	3671030703	36CXD3	La Thành	V ấ O	14/04/1994				4.0		4.0	1.2	2.3	1.6	2.8	
52	3671030607	36CXD3	Nguy n Th	V ấ O	11/07/1994				5.0		5.0	1.5	1.8	1.3	2.8	
53	3671031993	36CXD3	Phan V ấ	V ấ O	14/01/1994				7.0		7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
54	3671030678	36CXD3	D ng Thanh	Xu ấ n	1979				5.0		5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	

T ng s : 54 h c sinh sinh v i 2 n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

G i ấ o V i 2 n B M ấ n

G i ấ o V Khoa